CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thương mại và Sản xuất Lập Phương Thành

Ngày 30/06/2025	6,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.7%	**-1.4%**	**21.6%**

DT thuần
Q2/25
83.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.10| 2.6%
YoY: ▼12.1| -12.6%

LN thuần
Q2/25
0.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.40| 108%
YoY: ▼6.56| -96.3%

LN sau thuế
Q2/25
0.33
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.48| 111%
YoY: ▼4.25| -92.7%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
0.4%
YoY: +/-▲ 4.3%

ROE (TTM)
Q2/25
-2.1%
YoY: +/-▼ 2.7%

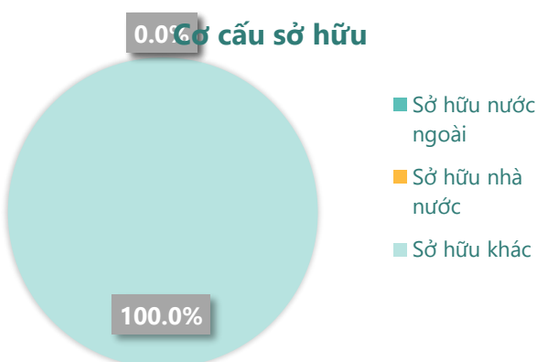
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,153 - 8,559
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	82
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,730
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.97
EPS	-276
P/E	-24.7

DT thuần
6T 2025
164
tỷ VNĐ
YoY: ▼64.0| -27.8%

LN thuần
6T 2025
-2.89
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.8| -116%

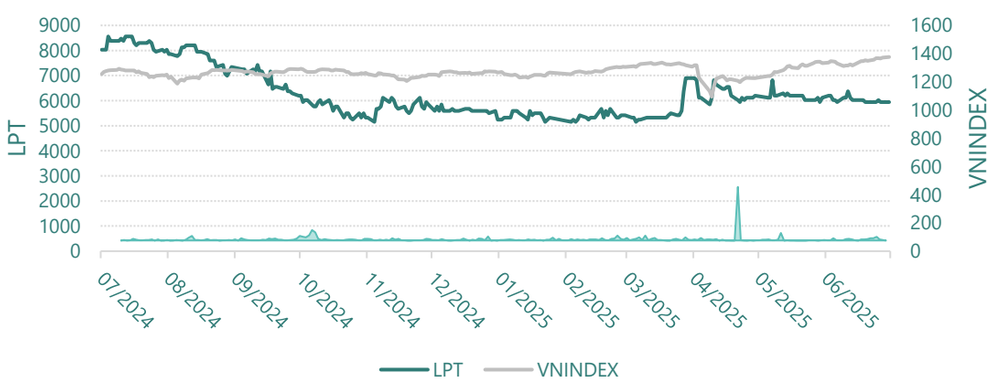
LN sau thuế
6T 2025
-2.81
tỷ VNĐ
YoY: ▼18.5| -118%

Cơ cấu sở hữu

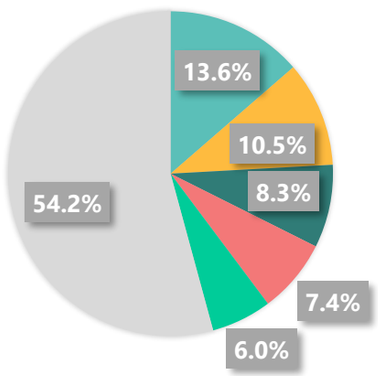


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

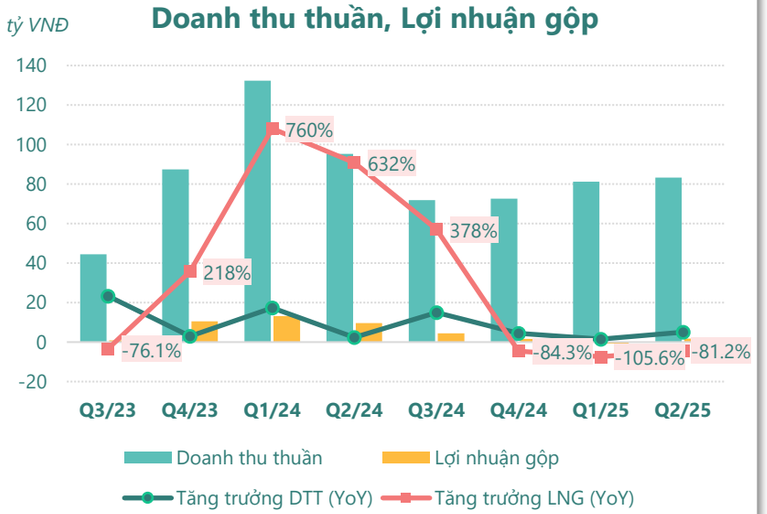


Phan Quang Tiệp
Trần Ngọc Mai
Nguyễn Trần Linh Chi
Phạm Anh Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
Trần Thị Bút
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

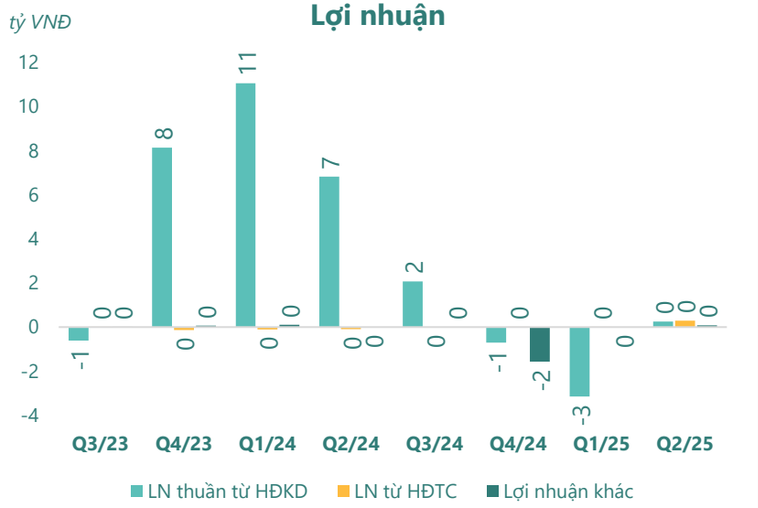
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



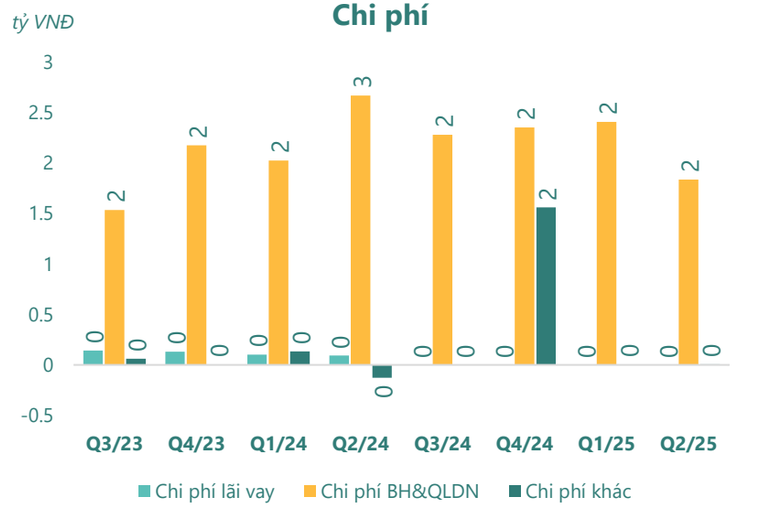
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



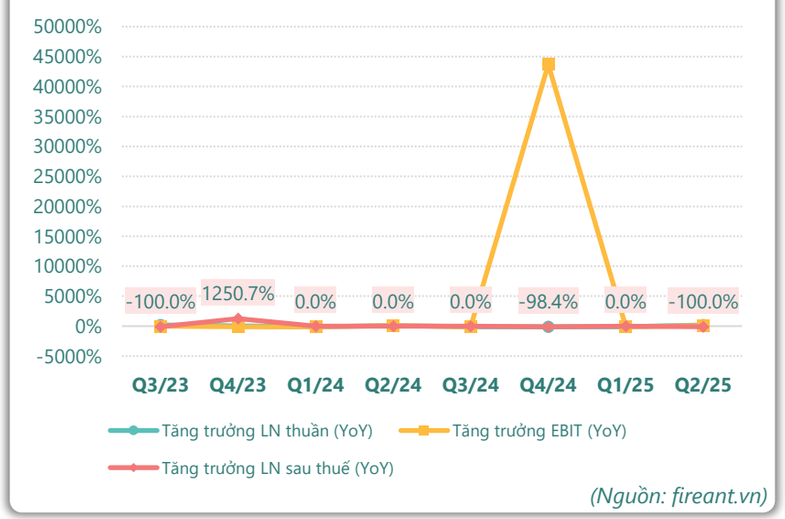
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



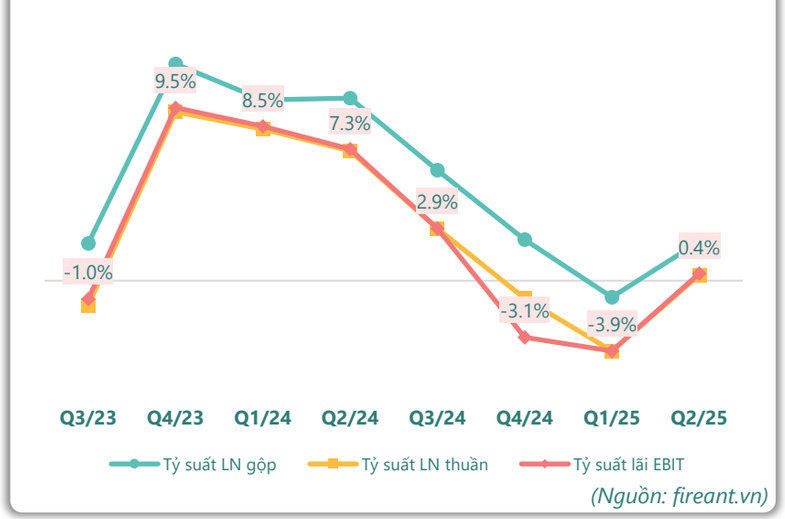
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



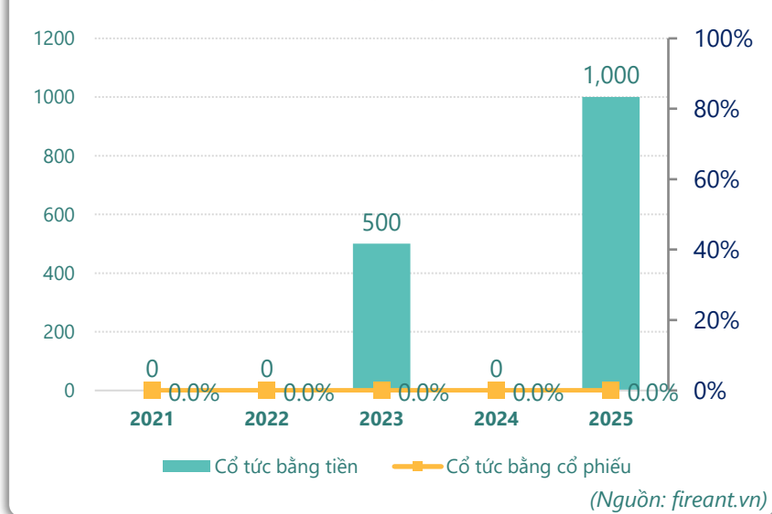
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



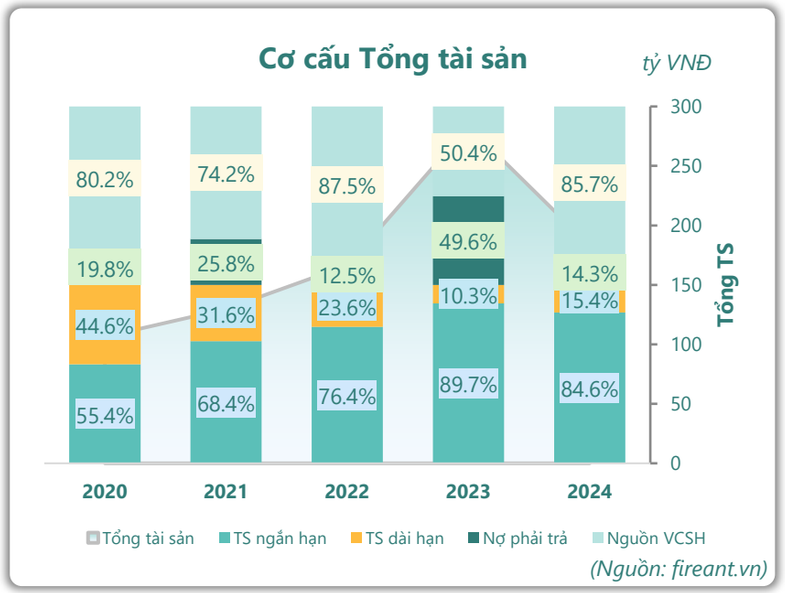
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

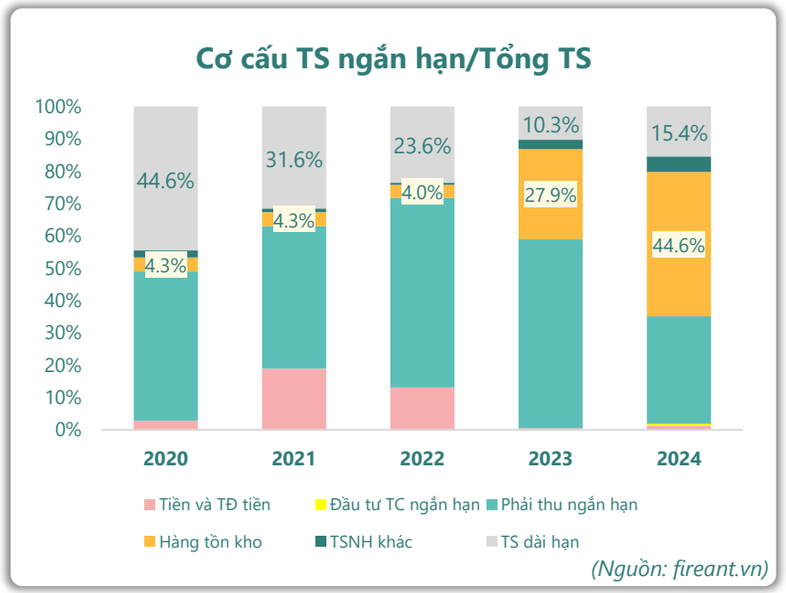


(Nguồn: fireant.vn)

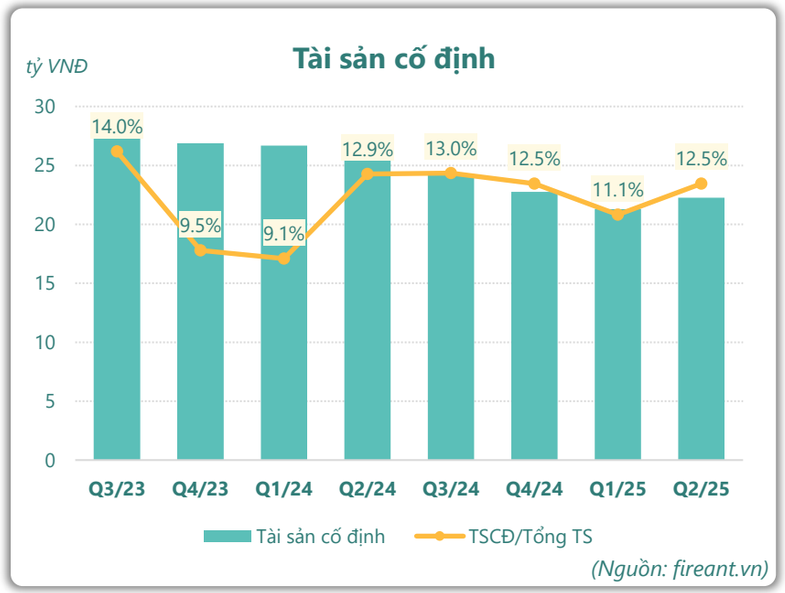
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



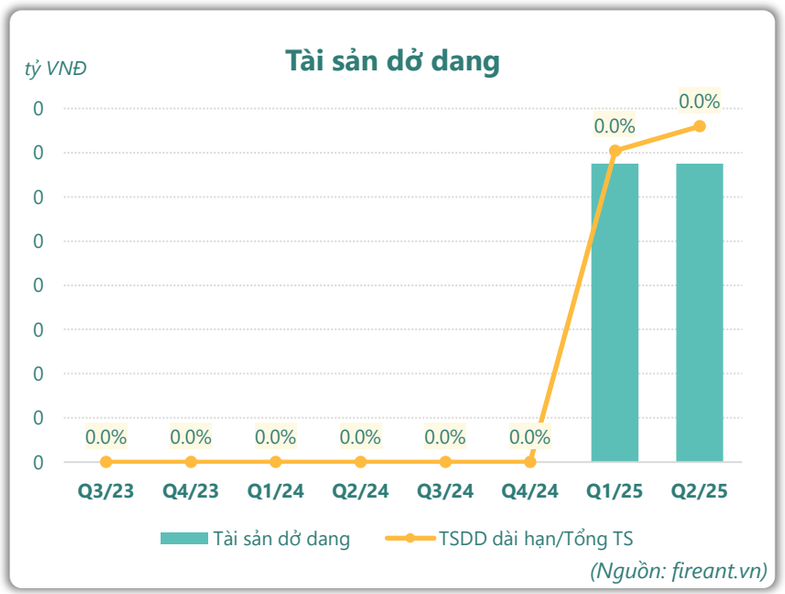
(Nguồn: fireant.vn)



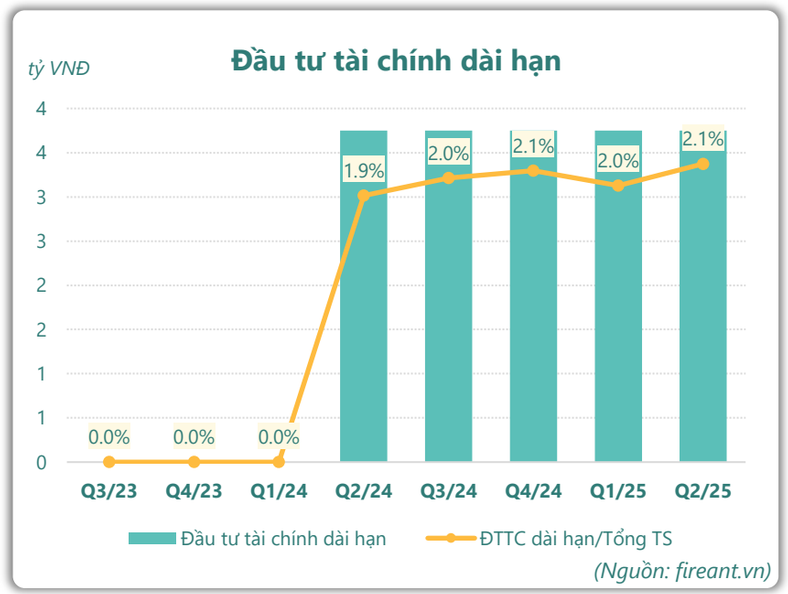
(Nguồn: fireant.vn)



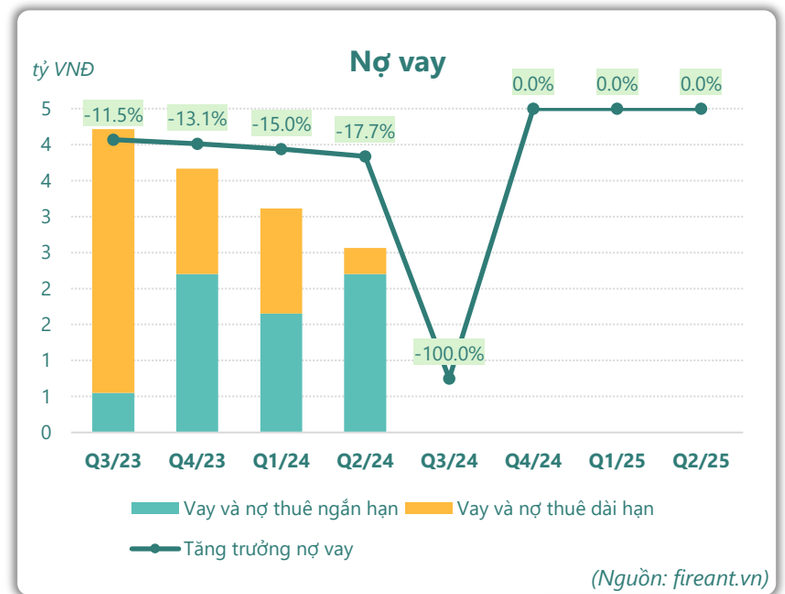
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



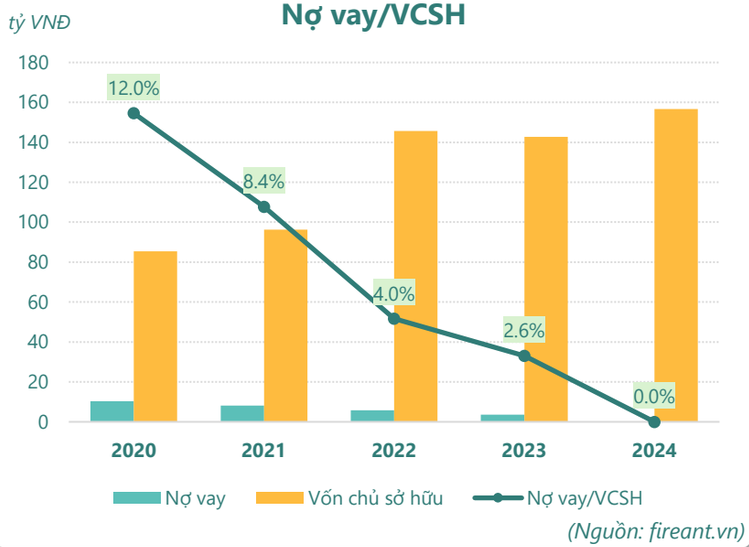
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

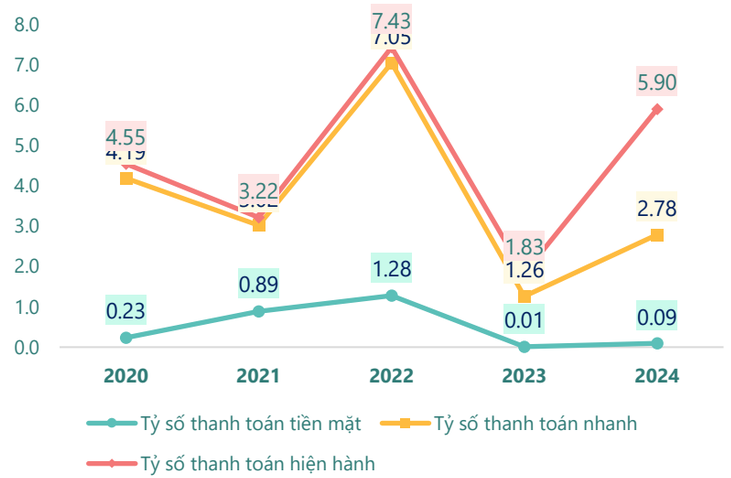
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



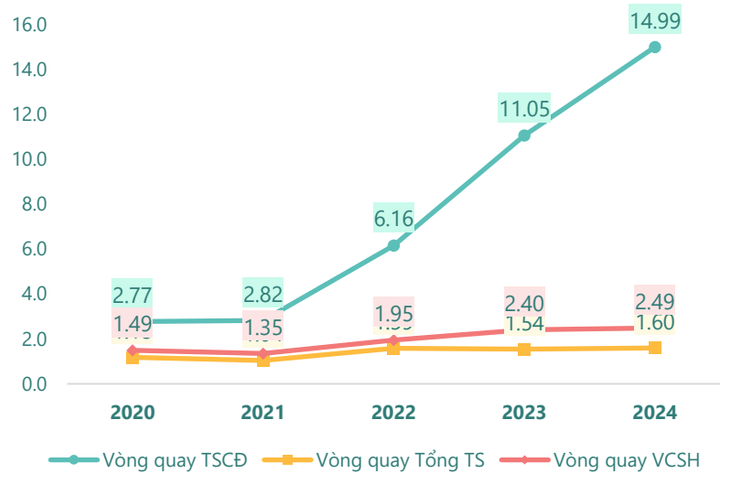
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



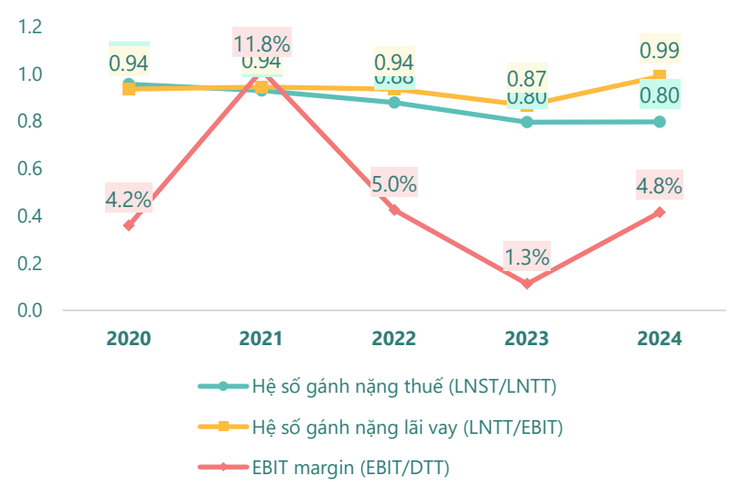
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



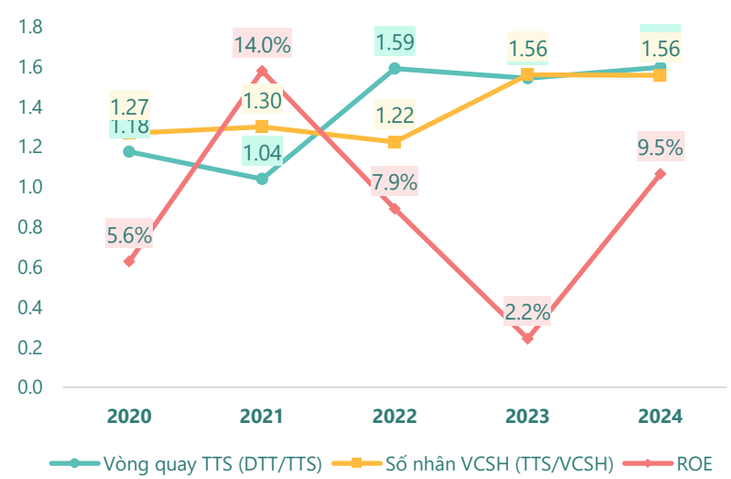
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



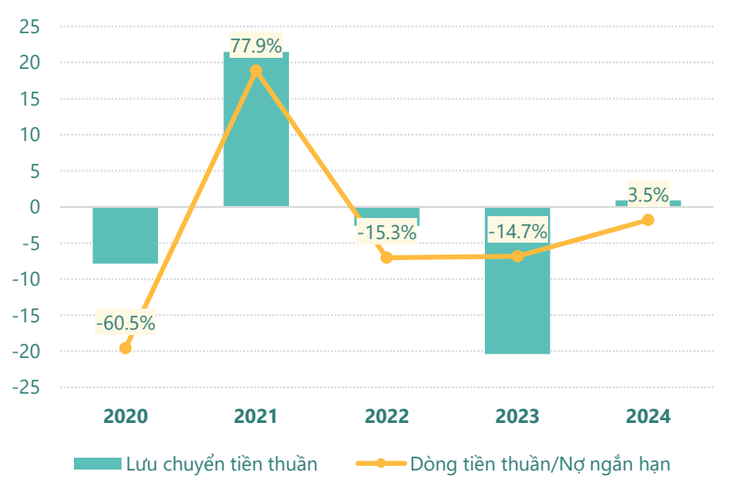
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**83.2**	**95.3**	**-12.6%**	**164**	**228**	**-27.8%**
Giá vốn hàng bán	81.4	85.7	-5.0%	163	205	-20.3%
Lợi nhuận gộp	1.80	9.58	-81.2%	1.06	22.8	-95.3%
Doanh thu HĐTC	0.30	0.00		0.30	0.00	36837%
Chi phí TC	0	0.09	-100%	0	0.20	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.09	-100%	0	0.20	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.21	0.26	-18.1%	0.60	0.94	-36.1%
Chi phí QLDN	**1.63**	**2.41**	**-32.5%**	**3.65**	**3.76**	**-3.0%**
LN thuần từ HĐKD	0.26	6.82	-96.3%	-2.89	17.9	-116%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**0.00**		**0.07**	**0.11**	**-31.9%**
LN trước thuế	0.33	6.82	-95.1%	-2.81	18.0	-116%
Lợi nhuận sau thuế	**0.33**	**4.58**	**-92.7%**	**-2.81**	**15.7**	**-118%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.33**	**4.58**	**-92.7%**	**-2.81**	**15.7**	**-118%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.36	-2.05	3.70	0.90	3.56	-2.34
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.32	-4.55	-0.46	0.01	0.00	-1.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.55	-0.55	-2.67	0.11	0	0
Tiền đầu kỳ	1.49	7.99	0.83	1.40	2.42	5.98
Lưu chuyển tiền thuần	**6.50**	**-7.16**	**0.57**	**1.01**	**3.57**	**-3.76**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.99	0.83	1.40	2.42	5.98	2.22

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**178**	**183**	**-2.8%**
Tài sản ngắn hạn	151	155	-2.6%
Tiền và tương đương tiền	2.22	2.42	-8.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	1.00	0.0%
Phải thu ngắn hạn	57.6	60.9	-5.4%
Hàng tồn kho	81.1	81.7	-0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	8.74	8.73	0.2%
Tài sản dài hạn	**27.2**	**28.2**	**-3.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	22.3	22.8	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.01	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	3.75	3.75	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.15**	**1.71**	**-32.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	24.0	26.2	-8.5%
Nợ ngắn hạn	**24.0**	**26.2**	**-8.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	15.7	15.0	4.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**154**	**157**	**-1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**154**	**157**	**-1.8%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)